



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2019

Ngành: **CÔNG NGHỆ SINH HỌC**
 Chuyên ngành: **KHOA HỌC CÂY TRỒNG**
 Mã số ngành: **7420201**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0
Phần bắt buộc			49	49	0	0	0
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2			
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3			
3	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3			
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3			
I.2. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9	0	0	0
1	BIO101	Sinh học thực vật	3	3			
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3			
3	NAS101	Môi trường và con người	3	3			
I.3. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3			
I.4. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3			
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3			
I.5. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3			
Phần tự chọn			15	15	0	0	0
		(Chọn 3 trong 7 học phần)	9	9			
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	9	3			
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3			
3	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3			
4	ECO201	Kinh tế học đại cương		3			
5	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3			
6	MAR201	Marketing căn bản		3			
7	MAN201	Quản trị học		3			
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3	3			
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1					

2	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	3			
3	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1					
4	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1					
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3	3			
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3			
2	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2					
3	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2					
4	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	48	12	20	0
II.1. Các học phần cơ sở ngành			22	21	0	0	0
1	BIO301	Di truyền học đại cương	3	3			
2	BIO302	Sinh hóa đại cương	3	3			
3	BIO304	Đa dạng sinh học	3	3			
4	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	2			
5	CRS306	Công nghệ sinh học trong trồng trọt	2	2			
6	CRS303	Khoa học đất đại cương	2	2			
7	CRS305	Kinh tế nông nghiệp	2	2			
8	CRS307	Nhập môn ngành KHCT	2	2			
9	CRS302	Sinh lý thực vật	2	2			
10	CRS308	Thực hành Sinh lý thực vật	1		1		
II.2. Các học phần chuyên ngành			45	27	12	3	0
II.2a. Phần bắt buộc			39	22	11	3	0
1	CRS401	Trải nghiệm ngành, nghề 1	1			1	
2	CRS402	Trải nghiệm ngành, nghề 2	2			2	
3	CRS403	Kiến tập nghề nghiệp	1			1	
4	CRS426	Tiếng Anh chuyên ngành KHCT	3	3			
5	CRS404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1	1			
6	CRS405	Dinh dưỡng cây trồng	2	2			
7	CRS427	Thực hành Dinh dưỡng cây trồng	1		1		
8	CRS406	Hóa bảo vệ thực vật	2	2			
9	CRS407	Chọn và nhân giống cây trồng	1	1			
10	CRS428	Thực hành Chọn và nhân giống cây trồng	1		1		
11	CRS408	Đất trồng, phân bón	1	1			
12	CRS429	Thực hành Đất trồng, phân bón	1		1		
13	CRS409	Bệnh cây	2	2			
14	CRS430	Thực hành Bệnh cây	1		1		
15	CRS410	Côn trùng	2	2			
16	CRS431	Thực hành Côn trùng	1		1		
17	CRS411	Cỏ dại	1	1			
18	CRS432	Thực hành Cỏ dại	1		1		
19	CRS412	Cây ăn quả	1	1			
20	CRS433	Thực hành Cây ăn quả	1		1		

21	CRS413	Cây lương thực	1	1			
22	CRS434	Thực hành Cây lương thực	1		1		
23	CRS414	Cây rau	2	2			
24	CRS435	Thực hành Cây rau	1		1		
25	CRS415	Hoa và cây kiểng	1	1			
26	CRS436	Thực hành Hoa và cây kiểng	1		1		
27	CRS416	Cây công nghiệp	2	2			
28	CRS437	Thực hành Cây công nghiệp	1		1		
29	CRS417	Thực tập giáo trình	2			2	
II.2b. Phần tự chọn			6	5	1	0	0
		<i>(Chọn 3 trong 6 học phần)</i>					
1	CRS420	Hệ thống canh tác	2	2			
2	CRS421	Bảo quản sau thu hoạch		2			
3	CRS422	GAP	2	2			
4	CRS423	Vì sinh vật nông nghiệp		2			
5	CRS424	Cây dược liệu	2	2			
6	CRS425	Sản xuất nấm		2			
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	17	0
1	CRS501	Thực tập tốt nghiệp KHCT	5			5	
2	CRS502	Khóa luận tốt nghiệp KHCT	12			12	
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (chọn 4 cặp HP)							
1	CRS438	Chuyên đề sinh lý thực vật ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	2	2			
2	CRS439	TH Chuyên đề sinh lý thực vật ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	1		1		
3	CRS440	Chuyên đề giống trong sản xuất cây trồng bền vững	2	2			
4	CRS441	TH Chuyên đề giống trong sản xuất cây trồng bền vững	1		1		
5	CRS442	Chuyên đề ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	2	2			
6	CRS443	TH Chuyên đề ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	1		1		
7	CRS444	Chuyên đề đất trồng, phân bón trong sản xuất nông nghiệp	2	2			
8	CRS445	TH Chuyên đề đất trồng, phân bón trong sản xuất nông nghiệp	1		1		
9	CRS446	Chuyên đề quản lý dịch hại trong sản xuất nông nghiệp	2	2			
10	CRS447	TH Chuyên đề quản lý dịch hại trong sản xuất nông nghiệp	1		1		
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY							
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8	8			
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1		
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1		

4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1		
5		Kỹ năng mềm	4	4			
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra					
7		Tin học chuẩn đầu ra					

[illegible]

[illegible]

[illegible]
